

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 6 năm 2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2022/QĐST-HN, ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thùy L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thùy L tự nguyện sống chung vào năm 2001, không có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có biện pháp khắc phục. Do mâu thuẫn đã trầm trọng và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên ông H yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Thu T, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động và Lê Văn H1, sinh ngày 03/7/2004. Hiện do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Văn H1 sau khi ly hôn, không yêu cầu bà Linh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thùy L mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà L vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Lê Văn H. Tại phiên tòa, bà L tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau: Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết. Thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thùy L là vợ chồng.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông Lê Văn H đối với cháu Lê Văn H1, sinh ngày 03/7/2004. Ông H không yêu cầu bà L cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết. Con chung Lê Thị Thu T, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thùy L, bà L cư ngụ tại địa chỉ khóm T, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng bà L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thùy L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thùy L tự nguyện sống chung từ năm 2001 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên ông H yêu cầu không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lê Thị Thu T, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động; Lê Văn H1, sinh ngày 03/7/2004. Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết.

[3]. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 22/3/2022 thể hiện: Đương sự Nguyễn Thùy L, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm T, phường M, thành phố L.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thùy L vắng mặt. Do bà L vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án ban hành thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có ấn định thời hạn cho bà L nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khi giải quyết vụ án. Nhưng hết thời hạn ấn định, bà L vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà L tiếp tục vắng mặt không có lý do.

[5]. Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông H và bà L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thùy L là vợ chồng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

Về con chung Lê Thị Thu T, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động. Ông H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Văn H1, cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống với ông H do công việc đang ổn định, nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H được nuôi dưỡng cháu H1 khi ly hôn. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thùy L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lê Thị Thu T, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động; Lê Văn H1, sinh ngày 03/7/2004.

Ông Lê Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Văn H1, sinh ngày 03/7/2004. Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thùy L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001004, ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa